

Bản án số: 15/2017/HNGĐ -ST  
Ngày: 18 tháng 10 năm 2017  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T L - TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Quốc Huy;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thế Quý;
2. Ông Quách Xuân Luyện.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Hoàng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T L - tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T L, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T L, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2017/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương L A- sinh năm 1989;  
Nơi ĐKKHKT: Xóm 2 T, xã T H, huyện T L, tỉnh Hà Nam; nơi ở: Đội 3 L, xã T H, huyện T L, tỉnh Hà Nam; có mặt.
2. Bị đơn: Anh Lương Văn C - sinh năm 1979;  
Nơi ĐKKHKT: Thôn 2 T, xã T H, huyện T L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 12/6/2017, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Dương L A trình bày: Chị và anh Lương Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tình nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T H, huyện T L, tỉnh Hà Nam ngày 05/3/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn 2 T, xã T H, huyện T L được khoảng 03 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, luôn trái ngược nhau về cách suy nghĩ cũng như nhận thức trong cuộc sống sinh hoạt; ngoài ra anh C đi làm ăn xa nhà không quan tâm gì đến gia

đình vợ con, nên giữa cuộc sống vợ chồng không có tình cảm và thường xuyên cãi cọ nhau, do không chịu được cách sống của anh C, nên chị đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống nhưng vì gia đình, con cái nên chị lại quay trở lại sống cùng anh C, đồng thời chị cũng khuyên nhủ anh C thay đổi cách sống để vợ chồng cùng xây dựng gia đình, nhưng anh C không nghe, tháng 02/2017 chị đã bế con về nhà bố mẹ để ở đội 3 L, xã T H, huyện T L, tỉnh Hà Nam sinh sống. Tuy nhiên tới ngày 23/4/2017 anh C đến nhà chị đòi đón con về chơi 3 - 4 ngày, chị không đồng ý nhưng anh C vẫn bế con về nhà chăm sóc từ đó cho đến nay, cũng từ đó vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần khuyên nhủ, chính quyền, đoàn thể địa phương hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, tình cảm giữa chị và anh C đã hết, cuộc sống chung không kéo dài được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn C.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là anh Lương Văn C trình bày: Về trình tự, thủ tục kết hôn anh nhất trí như chị L A đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn 2 T, xã T H, huyện T L, cuộc sống vợ chồng hòa thuận và có với nhau 01 con chung. Đến ngày 16/02/2017 khi anh đi làm vắng nhà thì chị L A nói với bố mẹ chồng xin cho hai mẹ con đi chơi, sau đó chị L A bế con về nhà bố mẹ để để sinh sống, sau 01 tuần thì chị L A về và viết đơn xin ly hôn gửi UBND xã T H. Sau khi nhận đơn UBND xã T H tiến hành hòa giải đối với vợ chồng nhưng không thành, vì anh cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn dẫn đến ly hôn.

Ngày 22/4/2017, anh đi làm về có sang thăm cháu tại nhà bố mẹ đẻ chị L A và có xin phép bố mẹ đẻ chị L A đón cháu về chơi 01 ngày (Ngày 30/4/2017), nhưng chị L A kiên quyết không cho anh đón con, nên vợ chồng xảy ra cãi vã nhau, ngay đêm hôm đó mẹ đẻ chị L A đã đuổi bố con anh ra khỏi nhà dưới sự chứng kiến của rất đông bà con lối xóm, ngay sau đó anh đã bế con về nhà để chăm sóc cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm giữa vợ chồng vẫn còn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Các đương sự thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu Lương Minh N, sinh ngày 27/11/2015, hiện tại cháu N đang được anh C chăm sóc, nuôi dưỡng. Do không có yêu cầu ly hôn nên anh C không đặt ra vấn đề nuôi con. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, chị L A và anh C đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Minh N và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị L A và anh C đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, chị Dương L Avấn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn C; bị đơn anh Lương Văn C xác định đến thời điểm này vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ nên anh cũng nhất trí ly hôn như yêu cầu của chị Lan Anh; Về con chung, quá trình giải quyết vụ án chị L Ayêu cầu được nuôi con chung, tuy nhiên tại phiên tòa chị thay đổi quan điểm đề nghị tòa án giao cháu Minh N cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, vì hiện tại chị chưa đủ điều kiện nuôi con, anh C xin được nuôi con chung. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và không đề nghị giải quyết về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn.

- Ý kiến của Kiểm sát viên về tố tụng: Nguyên đơn và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình như quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: Không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án, vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa ngày 28/9/2017.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Dương L Avà anh Lương Văn C. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Lương Minh N, sinh ngày 27/11/2015 cho anh Lương Văn C nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu Minh N trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Dương L A không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn các bên đương sự không đề nghị, nên không xem xét. Về án phí ly hôn sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Dương L Acó cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại thôn 2 T, xã T H, huyện T L, tỉnh Hà Nam, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T L.

[2] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Dương L Avà anh Lương Văn C là tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu

thuần, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến nhiều lần chị L Ađã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, nhưng sau đó vợ chồng lại trở về đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Lần cuối cùng chị L Abỏ nhà chồng về nhà bố mẹ đẻ là tháng 02/2017, kể từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Anh C cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, tình cảm vẫn còn và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh C không đến Tòa án và không hợp tác giải quyết vụ án, hơn nữa anh C cũng xác nhận chị L Acó bỏ về nhà mẹ đẻ nhiều lần, vợ chồng cũng đã xảy ra cãi vã khi anh đến đón con dẫn đến mẹ chị L Ađuổi cả hai bố con anh về có sự chứng kiến của nhiều người. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng đã kéo dài, thực tế vợ chồng đã sống ly thân không còn quan hệ tình cảm. Tại phiên tòa chị L Acuong quyết xin ly hôn, anh C cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí đề nghị tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L Avà anh Lương Văn C.

[3] Về con chung: Chị L Avà anh C có 01 con chung là cháu Lương Minh N, sinh ngày 27/11/2015. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên tại thời điểm xét xử cháu Minh N còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi, chị L Axuất trình tài liệu chứng minh thu nhập của bản thân và điều kiện để nuôi con, anh C không xuất trình được tài liệu gì chứng minh cho yêu cầu của mình. Tại phiên tòa chị L Atừ chối quyền nuôi con và đề nghị giao cháu Minh N cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, anh C nhất trí với quan điểm của nguyên đơn. Vì vậy, thỏa thuận về nuôi con của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về Tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do các đương sự không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Dương L A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Các đương sự thực hiện quyền kháng theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Dương L A và anh Lương Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Minh N, sinh ngày 27/11/2015 cho anh Lương Văn C nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu Minh N trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Dương L A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Dương L A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị L A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T L theo biên lai số 04207 ngày 26/6/2017.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện T L;
- Chi cục THADS H. T L;
- UBND xã T H;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Quốc Huy**